

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2021/DS-PT

Ngày: 05/3/2021

V/v “Hợp đồng mua bán tài sản”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tấn Tăng

Ông Sỹ Danh Đạt

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Hà – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: ông Lê Thành Biên - Kiểm sát viên.

Ngày 05/3/2021, tại Trụ sở tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 443/2020/TLPT-DS ngày 16 tháng 11 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 35/2020/DS-ST ngày 21 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 524/2020/QĐ-PT ngày 22 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1987.

Ủy quyền cho ông Nguyễn Đức Bình, sinh năm 1992.

Cùng địa chỉ: ấp A, xã A, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1964.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Văn C, sinh năm 1960.

Ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1964.

Địa chỉ: ấp A, xã Phú Đức, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà N là luật sư Thái Quang Trí  
- Văn phòng luật sư Chính Nghĩa thuộc đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện ngày 04/9/2019; biên bản lấy lời khai ngày 29/5/2020; biên bản hòa giải ngày 04/3/2020 đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Đức Bình trình bày:

Vào năm 2014, vợ chồng bà N có đến cửa hàng vật tư nông nghiệp của ông T để mua thiếu phân, thuốc trừ sâu về canh tác lúa, với thỏa thuận là sau khi thu hoạch xong mùa vụ sẽ thanh toán dứt điểm số tiền trên, đồng thời bên bà N chịu lãi suất là 2%/tháng. Tuy nhiên, sau khi thu hoạch xong mỗi mùa vụ, bà N có đến trả tiền mua phân, thuốc sâu cho ông T nhưng mỗi vụ bà N thiếu lại một ít, cho đến năm 2018 thì giữa ông T và bà N đối chiếu lại sổ sách thì bà N còn nợ ông T số tiền là 420.000.000đ. bà N thừa nhận số tiền trên nên đã làm biên nhận ngày 25/8/2018. Sau khi bà N làm biên nhận nợ số tiền trên thì bà N có trả cho ông T được 58.346.000đ. Ngày 28/12/2018 bà N viết lại biên nhận còn nợ số tiền là 361.654.000đ. Từ khi vợ chồng bà N làm biên nhận nợ ông T số tiền trên cho đến nay, vợ chồng bà N không trả tiền gốc hay lãi cho ông T.

Nay ông T khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim N và ông Trần Văn Chấn có trách nhiệm trả số tiền mua vật tư nông nghiệp còn nợ là 361.654.000đ và tiền lãi theo mức lãi suất 1%/tháng tính từ ngày 25/8/2018 cho đến khi giải quyết xong vụ án.

- Tại tòa trình bày ngày 12/02/2020, biên bản lấy lời khai ngày 29/5/2020, biên bản hòa giải ngày 04/3/2020 bà Nguyễn Thị Kim N trình bày:

Thừa nhận trước đây, năm 2012-2013 vợ chồng bà có mua vật tư nông nghiệp của cửa hàng Minh T có nợ số tiền là 500.000.000đ, do không có khả năng trả nên vợ chồng bà có cố cho ông Nưng và bà Hiền (cha, mẹ ông T) diện tích đất 16.000m<sup>2</sup> để trừ số nợ trên. Từ năm 2014- 2016 vợ chồng bà tiếp tục đến cửa hàng vật tư nông nghiệp của ông T để mua thiếu phân, thuốc trừ sâu về canh tác lúa, với thỏa thuận là sau khi thu hoạch xong mùa vụ sẽ thanh toán dứt điểm số tiền trên, đồng thời chịu lãi suất là 2%/tháng. Tuy nhiên, số tiền vật tư nông nghiệp mà vợ chồng bà còn nợ ông T là 100.000.000đ. Sau đó vợ chồng bà có trả được 60.000.000đ. Như vậy, vợ chồng bà chỉ còn nợ 40.000.000đ.

Nay bà chỉ đồng ý trả cho ông Nguyễn Minh T số tiền mua vật tư nông nghiệp còn nợ là 40.000.000đ và đồng ý chịu lãi là 1%/tháng từ khi bà làm biên nhận nợ cho đến nay.

\* Tại quyết định của bản án sơ thẩm số 35/2020/DS-ST ngày 21/8/2020, Tòa án nhân dân huyện Tam Nông đã tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh T đối với ông Trần Văn Chấn và bà Nguyễn Thị Kim N.

2/ Buộc ông Trần Văn Chấn và bà Nguyễn Thị Kim N có trách nhiệm liên đới trả lại cho ông Nguyễn Minh T số tiền mua vật tư nông nghiệp còn thiếu là 361.654.000đ (Ba trăm sáu mươi một triệu sáu trăm năm mươi bốn nghìn đồng)

và tiền lãi từ ngày 25/8/2018 cho đến nay với số tiền lãi là 86.314.000đ. Tổng cộng 447.968.000đ (Bốn trăm bốn mươi bảy triệu chín trăm sáu mươi tám nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành xong số tiền trên, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn lại phải thi hành, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3/ Về án phí: Ông Trần Văn Chấn được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Bà Nguyễn Thị Kim N phải chịu 10.959.000đ (Mười triệu chín trăm năm mươi chín nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Minh T được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí mà ông T đã nộp là 10.100.000đ (Mười triệu một trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005730 ngày 13/12/2019, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên quyền và thời hạn kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm;

- Ngày 04/9/2020, bà Nguyễn Thị Kim N kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm số 35/2020/DS-ST ngày 21/8/2020, chỉ đồng ý trả nguyên đơn 40.000.000đ cùng lãi suất 1%/tháng.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà N vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến: Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim N là không có căn cứ; đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm; sau khi nghe ý kiến của các đương sự và quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim N, Hội đồng xét xử xét thấy:

Ông T cũng như đại diện của ông T (là ông Bình) cho rằng từ năm 2014 - 2016, vợ chồng bà N có mua phân bón, thuốc trừ sâu tại cửa hàng vật tư nông nghiệp của ông T với phương thức thanh toán trả sau (mua thiếu), thỏa thuận đến

khi thu hoạch xong mùa vụ sẽ trả lại tiền và đồng thời chịu lãi là 2%/tháng và đến ngày 25/8/2018 thì giữa hai bên đối chiếu lại sổ sách, xác định bà N còn nợ ông T 420.000.000 đồng và bà N cũng có viết biên nhận cho ông T số tiền này; sau đó bà N đã trả cho ông T được 60.000.000 đồng và vào ngày 28/12/2018, bà N viết lại biên nhận còn nợ ông T là 361.654.000 đồng và từ đó đến nay bà N không có trả được khoản tiền nào cho ông T.

Bà N cũng thừa nhận viết biên nhận ngày 28/12/2018 với số nợ ông T 361.654.000 đồng như trên nhưng cho rằng vợ chồng bà không còn nợ ông T số tiền này vì bà cho rằng khoảng năm 2012 – 2013 vợ chồng bà mua phân bón, thuốc trừ sâu của ông T và nợ ông T khoảng 500.000.000 đồng, sau đó bà đã cầm cố 16.000m<sup>2</sup> đất lúa cho cha mẹ ông T là ông Nụng, bà Hiền để trừ hết số nợ này; từ năm 2014-2016 thì vợ chồng bà vẫn có tiếp tục mua phân bón, thuốc trừ sâu của ông T nhưng nợ chỉ khoảng 100.000.000 đồng và đã trả 60.000.000 đồng nên hiện chỉ còn nợ 40.000.000 đồng và vì vậy nay vợ chồng bà chỉ đồng ý trả 40.000.000 đồng cùng lãi suất 1%/tháng kể từ ngày 28/12/2018.

Xét lời khai nại của bà N như trên là không có cơ sở, bởi vì bà N không xuất trình được bất kỳ tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho lời khai nại của mình là đúng sự thật; phía ông T cũng không thừa nhận; mặt khác lời khai của bà N như trên cho rằng khoản nợ của bà với ông T là ở giai đoạn từ năm 2012-2013 và sau đó bà đã cầm cố đất để trừ hết số nợ này, nhưng đến năm 2018 bà lại đối chiếu nợ cũng như viết biên nhận cuối cùng ngày 28/12/2018 với số nợ ông T 361.654.000 đồng là mâu thuẫn, không phù hợp thực tế, bởi vì nếu đã cầm cố đất trừ hết nợ rồi thì bà không thể đối chiếu nợ và viết biên nhận nợ lại các khoản nợ đó.

Ngoài ra, bà N cũng không có tài liệu chứng cứ gì chứng minh từ ngày 28/12/2018 bà viết biên nhận nợ với số nợ ông T với số tiền là 361.654.000 đồng đến nay bà đã có trả cho ông T được khoản tiền nào khác, nên xác định lời trình bày của phía ông T cho rằng vợ chồng bà N còn nợ ông 361.654.000 đồng tiền phân bón, thuốc trừ sâu. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử chấp nhận yêu cầu của ông T buộc vợ chồng bà N phải trả số tiền gốc 361.654.000 đồng và tiền lãi là 86.314.000 đồng có căn cứ, đúng pháp luật. Tuy nhiên tại phiên tòa anh Bình là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chỉ yêu cầu nhận số tiền gốc là 361.654.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Xét thấy đây là sự tự nguyện và phù hợp nên chấp nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà N cũng không đưa ra được tài liệu chứng cứ gì để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ nên Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bà N; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2] Xét lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà N cho rằng bà N thực tế chỉ có thiếu nợ là 100.000.000 đồng, đã trả được 60.000.000 đồng chỉ còn nợ ông T 40.000.000 đồng nên yêu cầu phía nguyên đơn phải đem sổ sách ra để đối chiếu chứ trả nợ theo biên nhận 361.654.000 đồng là

chưa phù hợp vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm theo chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà N là không có cơ sở theo như nhận định trên của Hội đồng xét xử.

[3] Xét tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu về việc tuân thủ pháp luật từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đều thực hiện đúng quy định của pháp luật và không có kiến nghị. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp đề xuất hướng giải quyết là không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim N, sửa một phần bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị trên là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Do sửa án nên án phí sơ thẩm được tính lại cho phù hợp.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên bà N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[6] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2, Điều 148 và khoản 2, Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 430, Điều 440 của Bộ Luật dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim N.
- Sửa một phần bản án sơ thẩm số 35/2020/DS-ST ngày 21 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông.
- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh T đối với ông Trần Văn Chấn và bà Nguyễn Thị Kim N.
- Buộc ông Trần Văn Chấn và bà Nguyễn Thị Kim N có trách nhiệm liên đới trả lại cho ông Nguyễn Minh T số tiền mua vật tư nông nghiệp còn thiếu là 361.654.000đ (Ba trăm sáu mươi một triệu sáu trăm năm mươi bốn nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành xong số tiền trên, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn lại phải thi hành, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Trần Văn Chấn được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Bà Nguyễn Thị Kim N phải chịu 9.041.000 đồng (Chín triệu không trăm bốn mươi một nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Ông Nguyễn Minh T được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí mà ông T đã nộp là 10.100.000đ (Mười triệu một trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005730 ngày 13/12/2019, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim N được nhận lại 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002376 ngày 07/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Phòng GD & KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện Tam Nông;
- Chi cục THADS huyện Tam Nông;
- Đường sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy**